

Bản án số: 106/2026/DS-ST

Ngày: 07-5-2026

V/v “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 15 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hồ Thị Hằng.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Bà Nguyễn Thị Hồng Thanh;
- Bà Huỳnh Thị Thùy Dương.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Kim Xuân - Tòa án nhân dân Khu vực 15- Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 15 - Thành phố Hồ Chí Minh: Bà Đặng Thị Thanh Trúc – Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 5 năm 2026, tại Trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 15- Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 38/2026/TLST-DS ngày 12 tháng 01 năm 2026 về việc: “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 146/2026/QĐXXST-DS ngày 01 tháng 4 năm 2026, Quyết định hoãn phiên tòa số 139/2026/QĐST-DS ngày 13 tháng 4 năm 2026 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Nguyễn Bảo T, sinh năm 1982; địa chỉ: Số A, đường A - P, Khu phố P, phường B, Thành phố Hồ Chí Minh, có mặt.

- *Bị đơn:* Ông Lê Văn H, sinh năm 1974; địa chỉ: Số B, đường D, khu phố P, phường B, Thành phố Hồ Chí Minh, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Theo đơn khởi kiện đề ngày 15/12/2025 (nộp tại Tòa án ngày 15/01/2026) và quá trình giải quyết, nguyên đơn ông Nguyễn Bảo T trình bày:** Ông Nguyễn Bảo T và ông Lê Văn H có mối quan hệ quen biết. Hai bên bắt đầu giao dịch vay mượn tiền từ năm 2021 với số tiền 700.000.000đ, sau đó ông H đã trả được 305.000.000đ, số tiền còn lại 395.00.000đ thì hai bên ký lại Hợp đồng vay tiền ngày 12/9/2025 để chốt lại ông H còn nợ ông T là 395.000.000đ, theo hợp đồng này hai bên có thỏa thuận mỗi tháng ông H trả cho ông T 20.000.000đ tiền gốc, thời hạn trả từ ngày 12/10/2025 đến ngày 12/5/2027, lãi suất 1%/tháng. Quá trình thực hiện hợp đồng, ông H vi phạm nghĩa vụ trả nợ dù đã được ông T yêu cầu nhiều lần nên buộc ông T phải khởi kiện yêu cầu ông H trả cho ông T số tiền nợ gốc 395.000.000đ và tiền lãi

Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa: Nguyên đơn xác định ngày 03/12/2025 ông H trả cho ông T số tiền 15.000.000đ, ngày 21/01/2026 trả thêm 10.000.000đ nên ông T chỉ yêu cầu số tiền nợ gốc còn lại 370.000.000đ cùng với tiền lãi tạm tính là 11.250.000đ, ngoài ra bị đơn còn phải tiếp tục trả lãi đến khi xét xử sơ thẩm.

*** Bị đơn ông Lê Văn H:** Quá trình giải quyết, Tòa án đã thực hiện tổng đạt hợp lệ cho bị đơn các văn bản tố tụng gồm thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; thông báo hoãn phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; quyết định xét xử; quyết định hoãn phiên tòa và giấy triệu tập tham gia phiên tòa sơ thẩm, nhưng bị đơn không đến Tòa án tham gia tố tụng.

*** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 15- Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa phát biểu:**

+ Về tố tụng: Trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án và tại phiên tòa Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký đã tuân thủ đầy đủ, đúng các quy định pháp luật tố tụng dân sự và người tham gia tố tụng đã chấp hành đúng theo quy định pháp luật. Kiểm sát viên không có ý kiến cũng như kiến nghị sửa chữa, bổ sung gì thêm về phần thủ tục.

+ Về nội dung, căn cứ theo các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về tố tụng:*

[1.1] *Về thẩm quyền:* Yêu cầu khởi kiện của ông Lê Văn H là loại việc thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Do bị đơn có nơi cư trú tại phường B, Thành phố Hồ Chí Minh nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 15- Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[1.2] *Về việc tham gia của đương sự tại phiên tòa:* Bị đơn ông Lê Văn H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng đến nay ông Lê Văn H vẫn vắng mặt không có lý do. Vì vậy, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại các Điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.3] *Về quan hệ pháp luật:* Theo đơn khởi kiện, nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả số tiền bị đơn đã vay còn nợ là 370.000.000đ và tiền lãi. Vì vậy, Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật là “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” theo quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] *Về nội dung:*

[2.1] *Về số tiền nợ gốc 370.000.000đ.*

Theo như đơn khởi kiện, ông T yêu cầu ông H trả cho ông T số tiền đã vay 395.000.000đ theo Hợp đồng cho cá nhân vay tiền ngày 12/9/2025.

Phía bị đơn đã được Tòa án thực hiện tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng gồm thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; thông báo hoãn phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; quyết định xét xử; quyết định hoãn phiên tòa và giấy triệu tập tham gia phiên tòa sơ thẩm, nhưng bị đơn không đến Tòa án tham gia tố tụng.

Xét thấy: Qua xem xét Hợp đồng cho cá nhân vay tiền ngày 12/9/2025 thì ông T cho ông H vay số tiền 395.000.000đ để ông H làm vốn kinh doanh, hai bên thỏa thuận mỗi tháng ông H trả cho ông T 20.000.000đ tiền gốc, thời gian bắt đầu trả từ ngày 12/10/2025 cho đến ngày 12/5/2027, đồng thời có thỏa thuận: “*Bên vay cam kết thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ đóng lãi và gốc được quy định trong hợp đồng này. Trường hợp bên vay không thực hiện nghĩa vụ thanh toán đúng thỏa thuận, bên cho vay có quyền khởi kiện....*”. Như

vậy, theo thỏa thuận này, thời hạn bắt đầu trả nợ là ngày 12/10/2025 nhưng ông H đã không trả, đến ngày 03/12/2025 ông H mới chuyển khoản trả được 15.000.000đ, đến ngày 09/12/2025 ông T thông báo bằng văn bản yêu cầu ông H trả nhưng ông H vẫn không thực hiện nên ngày 15/01/2026 ông T đã nộp đơn khởi kiện tại Tòa án và đến ngày 21/01/2026 mới chuyển trả thêm 10.000.000đ. Như vậy, do bị đơn vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên việc nguyên đơn khởi kiện yêu cầu trả nợ là hoàn toàn phù hợp theo Điều 466 của Bộ luật Dân sự năm 2015. Qua xem xét sao kê tài khoản của ông T, kể từ ngày 12/9/2025 hai bên ký hợp đồng cho vay thì ngày 03/12/2025 ông H chuyển khoản cho ông T 15.000.000đ và ngày 21/01/2026 chuyển 10.000.000đ. Từ ngày 22/01/2026 đến nay không có giao dịch chuyển tiền nào giữa ông T và ông H, phía ông T xác định ngoài tiền chuyển khoản trên thì ông H không trả thêm số tiền mặt nào nên việc ông T yêu cầu ông H trả số tiền còn lại 370.000.000đ là có căn cứ chấp nhận theo quy định quy định tại Điều 466, Điều 470 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

[2.2] *Về tiền lãi*: Nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả tiền lãi tính từ ngày 12/9/2025 đến ngày 12/12/2025, mức lãi 1%/tháng tương đương số tiền 11.250.000đ, ngoài ra bị đơn còn phải tiếp tục trả lãi đến khi xét xử sơ thẩm.

Xét thấy: Theo Hợp đồng cho cá nhân vay tiền ngày 12/9/2025, hai bên thỏa thuận lãi 1%/tháng, việc thỏa thuận của hai bên phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật Dân sự nên nguyên đơn yêu cầu tính mức lãi suất 1%/tháng là có căn cứ.

Số tiền lãi bị đơn phải trả cho nguyên đơn được tính như sau: $370.000.000đ \times 1\% \times 07 \text{ tháng } 25 \text{ ngày (ngày 12/9/2025 đến ngày 07/5/2026)} = 28.983.333đ$.

[2.3] Tổng số tiền gốc và lãi bị đơn phải trả cho nguyên đơn là $370.000.000đ + 28.983.333đ = 398.983.333đ$.

[3] Từ những phân tích trên, có cơ sở để chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

[4] Ý kiến phát biểu Kiểm sát viên tại phiên tòa đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là phù hợp.

[5] Về án phí: Căn cứ Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Bị đơn phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ Điều 6, Điều 8, Khoản 3 Điều 26, Điểm a Khoản 1 Điều 35, Khoản 1 Điều 39, Khoản 4 Điều 91, Khoản 1 Điều 147, Khoản 2 Điều 184, Khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015.

- Căn cứ Điều 463, 466, 468, 470 Bộ luật Dân sự năm 2015.

- Căn cứ nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm.

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Bảo T đối với bị đơn ông Lê Văn H về việc “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”.

Buộc bị đơn ông Lê Văn H có trách nhiệm trả cho ông Nguyễn Bảo T tổng số tiền 398.983.333đ (Ba trăm chín mươi tám triệu chín trăm tám mươi ba nghìn ba trăm ba mươi ba đồng), trong đó tiền nợ gốc 370.000.000đ (ba trăm bảy mươi triệu đồng), tiền lãi

28.983.333đ (hai mươi tám triệu chín trăm tám mươi ba nghìn ba trăm ba mươi ba đồng).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn lại phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Về án phí sơ thẩm:

+ Trả lại cho ông T số tiền 10.125.000đ (Mười triệu một trăm hai mươi lăm nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0054970 ngày 30/12/2025 của Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh.

+ Bị đơn ông Lê Văn H phải chịu 19.949.000đ (Mười chín triệu chín trăm bốn mươi chín nghìn đồng).

3. Đương sự có mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày Bản án được niêm yết công khai theo luật định.

4. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh;
- Viện kiểm sát nhân dân TP Hồ Chí Minh;
- Viện kiểm sát nhân dân khu vực 15 - Thành phố Hồ Chí Minh;
- Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, VT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hồ Thị Hằng

